

Số: /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

**Dự án thành phần “Đầu tư xây dựng Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long theo
quy hoạch xây dựng Viện, giai đoạn 2021-2025”**

thuộc dự án “Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 3185/QĐ-BNN-KH ngày 19/7/2021 và số 3146/QĐ-BNN-KH ngày 18/8/2022 phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam”;

Xét đề nghị của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam tại Tờ trình số 04/TTr-KHNN-TCHC ngày 03/01/2023, của Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long tại Tờ trình số 01/TTr-VL ngày 03/01/2023 trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần “Đầu tư xây dựng Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long theo quy hoạch xây dựng Viện giai đoạn 2021-2025” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại Báo cáo thẩm định số 03/BC-XD-TĐ ngày 03/01/2023) và Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch; Tài chính; Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần “Đầu tư xây dựng Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long theo quy hoạch xây dựng Viện giai đoạn 2021-2025” với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần “Đầu tư xây dựng Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long theo quy hoạch xây dựng Viện giai đoạn 2021-2025” thuộc dự án “Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại công trình, dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và PTNT;

- Nhóm dự án: Nhóm B;

- Cấp công trình: Cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

5. Chủ đầu tư DATP (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc dự án): Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

6. Tổ chức Tư vấn lập dự án:

Liên danh Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng Thăng Long - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Phát triển nông thôn - Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn đầu tư Xây dựng MINORI - Công ty cổ phần quốc tế Phương Nga.

- Chủ nhiệm thiết kế: KTS Lê Thế Diệp.

7. Mục tiêu đầu tư:

Nâng cấp, đầu tư cơ sở hạ tầng, tăng cường trang thiết bị nghiên cứu lĩnh vực trồng trọt để nâng cao năng lực trong công tác nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản... phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và chiến lược tăng trưởng xanh trong sản xuất nông nghiệp; góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực tự chủ của Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long.

8. Địa điểm xây dựng: Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

9. Tổng mặt bằng xây dựng (khu hành chính):

a) Phân khu chức năng và cơ cấu sử dụng đất:

TT	Phân khu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích khu đất	44.576	100,0

TT	Phân khu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng trụ sở làm việc	5.911	13,3
2	Đất sân đường giao thông nội bộ	13.503	30,3
3	Đất vườn hoa, cây xanh, vỉa hè, quỹ đất dự trữ	25.162	56,4

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- Diện tích xây dựng: 5.911m²;
- Tổng diện tích sàn: 10.386m²;
- Mật độ xây dựng: 13,3 %;
- Hệ số sử dụng đất: 0,23 lần;
- Số tầng cao: 01-03 tầng.

c) Các hạng mục công trình chính:

TT	Hạng mục công trình	Ký hiệu	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Ghi chú
1	Nhà thí nghiệm A	2	02	1.248	2.496	Đang sử dụng
2	Nhà thí nghiệm B	3	02	1.225	2.450	Đang sử dụng
3	Hành lang cầu nối nhà A và B		02	69	138	Đang sử dụng
4	Nhà điều hành kết hợp thư viện và Trung tâm đào tạo (Nhà C)	1	03	1.698	3.631	Xây dựng mới (giai đoạn 2021-2025)
5	Nhà hội trường 800 chỗ	4	01	1.518	1.518	Xây dựng mới
6	Nhà bảo vệ	6	01	28	28	Xây dựng mới (giai đoạn 2021-2025)
7	Nhà để xe	5	01	125	125	Xây mới (giai đoạn 2021-2025)
	Tổng			5911	10.386	

d) Giải pháp tổ chức thực hiện:

Tận dụng tối đa các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có; ưu tiên đầu tư, nâng cấp một số hạng mục theo kế hoạch đầu tư công của Bộ, cụ thể:

- Giai đoạn 2022 – 2025: Đầu tư xây dựng nhà điều hành kết hợp thư viện, trung tâm đào tạo; cải tạo nhà thí nghiệm A, B; xây mới nhà bảo vệ; xây mới nhà để xe.

- Giai đoạn sau năm 2025: Đề xuất đầu tư xây dựng Nhà hội trường 800 chỗ (chỉ được thực hiện đầu tư sau khi được Bộ chấp thuận trên cơ sở rà soát, tính toán quy mô cụ thể).

10. Quy mô, nội dung đầu tư

- Xây dựng Nhà điều hành kết hợp thư viện, trung tâm đào tạo: 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 1.698m², diện tích sàn khoảng 3.631m²;

- Cải tạo nhà thí nghiệm A (02 tầng, diện tích xây dựng 1.225m², diện tích sàn khoảng 2.450m²); nhà thí nghiệm B (02 tầng, diện tích xây dựng 1.248m², diện tích sàn 2.496m²);

- Xây mới các công trình phụ trợ: Cổng chính (chiều dài khoảng 11,4m); nhà bảo vệ (diện tích khoảng 28m²; hàng rào (khoảng 157m); nhà để xe (diện tích khoảng 126m²); biển hiệu;

- Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà;

- Mua sắm trang thiết bị.

11. Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

11.1 Xây dựng Nhà điều hành kết hợp thư viện , trung tâm đào tạo (Nhà C):

a) Kiến trúc: Nhà 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 1.698m², tổng diện tích sàn khoảng 3.631m², chiều cao công trình 15,0m; bước gian 7,2m, nhịp nhà 7,2m;

- Mặt bằng các tầng bố trí các phòng làm việc, phòng họp, phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm...

b) Kết cấu:

- Kết cấu chịu lực chính là hệ khung (cột, dầm, sàn) BTCT;

- Móng cọc BTCT, mũi cọc dự kiến đặt trong lớp sét pha trạng thái dẻo cứng; móng, giằng móng BTCT đổ tại chỗ.

c) Hoàn thiện:

- Tường bao xây gạch không nung, sơn nước; mái lợp tôn chống nóng;

- Cửa sổ và cửa đi khung nhôm hệ (tương đương Xingfa) kính an toàn;

- Bậc thang xây gạch, mặt bậc ốp đá granit, tay vịn gỗ.

- Sàn các phòng lát gạch granite; sàn nhà kho, phòng kỹ thuật, quét phụ gia tăng cứng bề mặt; sàn vệ sinh lát gạch chống trơn, tường ốp gạch;

d) Hệ thống cấp, thoát nước:

- Cấp nước: Nước được lấy từ bể chung bơm lên bồn inox đặt trên mái và tự chảy xuống các thiết bị sử dụng;

- Bể phốt: đáy đổ BTCT, thành xây gạch; nắp đậy tấm đan BTCT;

- Thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa: Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng ống nhựa đặt trong hộp kỹ thuật; thoát nước mưa, nước mặt qua rãnh đặt xung quanh nhà rồi đổ ra mạng lưới thoát nước thải chung của Viện;

- Thoát nước thải thí nghiệm: Sử dụng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phòng thí nghiệm hiện có.

đ) Hệ thống điện, điện nhẹ:

- Nguồn điện lấy từ trạm biến áp tổng của Viện, dẫn đến công trình bằng cáp Cu/XLPE bọc PVC; cấp điện trong nhà sử dụng cáp Cu/XLPE bọc PVC đi trong máng cáp hoặc chôn ngầm trong tường;

- Chiếu sáng trong nhà, vệ sinh sử dụng đèn Led các loại; cầu thang sử dụng đèn ốp trần bóng Led;

- Lắp đặt hệ thống tủ điện nhẹ, hệ thống âm thanh, camera giám sát, mạng LAN cho công trình.

e) Chống sét: Sử dụng các kim thu sét thép mạ kẽm lắp đặt trên đỉnh mái; hệ thống tiếp địa sử dụng thép góc kết hợp dây dẫn sét thép dẹt.

g) Phòng cháy chữa cháy (Cho cả 03 nhà A, B, C): Kết hợp hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy vách tường và bình nội quy, tiêu lệnh PCCC.

h) Chống mối: Hàng rào chống mối bằng thuốc chuyên dụng.

i) Phá dỡ công trình cũ (Nhà làm việc - Nhà C): Nhà 02 tầng hiện có; kết cấu khung cột BTCT, mái lợp tôn.

11.2 Cải tạo nhà thí nghiệm (A và B):

a) Cải tạo nhà thí nghiệm B: Nội dung cải tạo:

- Phần mái: Thay mới hệ thống xà gồ, tôn lợp mái bằng tôn chống nóng, xà gồ, vì kèo thép; làm sạch và quét chống thấm seno;

- Tường trong và ngoài nhà: Trát vá những vị trí hư hỏng; cạo bỏ lớp sơn cũ, sơn lại mặt trong nhà bằng sơn nước, mặt ngoài bằng sơn chống thấm;

- Tầng 01 và tầng 02: Bố trí lại các phòng thí nghiệm theo dây chuyền công năng; thay thế các cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ (tương đương Xingfa), kính an toàn; lát lại toàn bộ sàn các phòng bằng gạch granite; chống thấm, lát sàn khu vệ sinh bằng

gạch granite chống trơn; thay mới hệ thống cấp nước và thiết bị vệ sinh đồng bộ;

- Cầu thang: Lát lại bậc bằng đá granite nhân tạo; thay thế lan can, tay vịn bằng thép inox;

- Cấp điện: Thay mới hệ thống cấp điện; nguồn điện dẫn đến công trình qua tủ điện tổng đặt tại tầng 01, sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA đi ngầm đặt trong ống HDPE; cáp, dây dẫn trong nhà sử dụng Cu/XLPE/PVC các loại đi trong các ống nhựa PVC đặt ngầm tường, trần; chiếu sáng dùng đèn Led; thông gió dùng quạt hút, điều hòa nhiệt độ;

- Thoát nước: Khơi thông rãnh thoát nước, xây mới các vị trí rãnh, cống hư hỏng, sụt lún;

- Chống sét: Sử dụng các kim thu sét thép mạ kẽm lắp đặt trên đỉnh mái; hệ thống tiếp địa sử dụng thép góc kết hợp dây dẫn sét thép dẹt;

- Điện nhẹ: Lắp đặt hệ thống mạng LAN cho công trình.

b) Cải tạo nhà thí nghiệm A: Nội dung cải tạo

- Thay thế hệ thống xà gồ, tôn lợp mái bằng tôn chống nóng, xà gồ, vì kèo thép; làm sạch và chống thấm senô thoát nước; cải tạo và hoàn thiện hệ thống thoát nước quanh nhà.

c) Cải tạo hành lang cầu nối Nhà A với nhà B: Nội dung cải tạo:

- Cạo bỏ lớp vữa cũ, trát lại toàn bộ mặt ngoài, sơn chống thấm; lát lại sàn tầng 01 và tầng 02 bằng gạch granite;

- Lắp đặt mái kính khu vực ghé ngồi sân giữa 02 nhà A, B, C.

11.3 Công trình phụ trợ:

a) Cổng chính: Chiều dài 11,4m gồm cổng chính rộng 9,0m và cổng phụ; cổng chính thép mạ kẽm, đóng mở tự động; cổng phụ thép sơn tĩnh điện, đóng mở bằng bản lề; trụ cổng lõi BTCT, ngoài xây gạch và ốp đá granite;

b) Nhà bảo vệ: Nhà 01 tầng, diện tích 28,0m²; kết cấu khung, cột BTCT; tường bao xây gạch không nung; bố trí 01 phòng làm việc và 01 phòng vệ sinh; cửa đi, cửa sổ khung nhôm hệ (tương đương Xingfa), kính an toàn; nền lát gạch granite; nền vệ sinh lát gạch granite chống trơn; lắp đặt thiết bị vệ sinh đồng bộ;

c) Hàng rào: Chiều dài khoảng 159m; móng, thân tường xây gạch không nung; giằng tường, trụ rào BTCT; phần rào sắt sử dụng thép hộp và thép bản; đặt khe lún theo quy định;

d) Nhà để xe: Diện tích khoảng 126m²; móng BTCT; kết cấu khung tổ hợp thép; xà gồ thép hình, mái lợp tôn;

e) Biển hiệu: Trụ BTCT, bên ngoài xây gạch, mặt ốp đá granite, biểu tượng Viện lúa và biển tên bằng inox.

11.4 Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) Hạ tầng giữa hai nhà A-B: Diện tích sân khoảng 1.380m²; kết cấu sân gồm cát vàng gia cố xi măng; đệm cát vàng; gạch block tự chèn; bó vỉa viên bê tông đúc sẵn;

b) Hạ tầng xung quanh nhà C và phía cổng chính:

- Sân lát gạch: Diện tích khoảng 1.543m²; kết cấu gồm: cát vàng gia cố xi măng; đệm cát vàng; gạch block tự chèn;

- Sân bê tông làm mới: Diện tích khoảng 2.630m²; kết cấu gồm: đá dăm đầm chặt; bê tông xi măng dày 18cm; đặt khe co, giãn theo quy định;

- Sân bê tông cải tạo: Diện tích khoảng 2.080m²; kết cấu bê tông xi măng dày 10cm đổ trên mặt sân bê tông cũ; đặt khe co giãn theo quy định;

11.5 Mua sắm trang thiết bị (Chi tiết tại Phụ lục I).

12. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Số bước thiết kế : 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng; QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng; TCVN 4319:2012 Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế; TCVN 5574:2018 Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

13. Tổng mức đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư dự án thành phần lập theo quy định tại Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn, giá vật tư, giá vật liệu, giá nhân công, ca máy và thiết bị thi công theo công bố giá tháng 11 năm 2022 (số 3726/SXD-QLXD ngày 08/12/2022) của thành phố Cần Thơ và mặt bằng giá thị trường khu vực tại thời điểm trình tổng mức đầu tư.

b) Tổng mức đầu tư DATP: **70.000.000.000 đồng** (Bảy mươi tỷ đồng), chia ra:

- Chi phí xây dựng	51.703.731.000 đồng
- Chi phí thiết bị	1.491.382.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	1.346.900.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.872.065.000 đồng
- Chi phí khác	719.036.000 đồng
- Chi phí dự phòng	10.866.886.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục II)

14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước (vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý).

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê Tổ chức tư vấn quản lý dự án.

16. Tiến độ thực hiện dự án thành phần: 04 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam:

- Là đơn vị đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có), tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung có liên quan trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ trong đầu tư toàn dự án;

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho Chủ đầu tư dự án thành phần để triển khai các bước tiếp theo;

- Hoàn chỉnh hồ sơ dự án thành phần theo nội dung được duyệt, các ý kiến thẩm định của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ và các lưu ý đã nêu tại Báo cáo thẩm định của Cục Quản lý xây dựng công trình;

- Chủ trì hoàn thiện hồ sơ trình quyết toán các chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định;

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án và các nhiệm vụ khác theo quy định.

2. Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc tổ chức, quản lý thực hiện và nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án thành phần theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án theo đúng nội dung Quyết định đầu tư, các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án đầu tư, quản lý chi phí đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng đảm bảo đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ (qua Cục QLXDCT) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định có liên quan;

- Tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, trình Cục QLXDCT thẩm định trước khi phê duyệt; Lưu ý (i) rà soát, xác định thứ tự ưu tiên, điểm dừng kỹ thuật các hạng mục công trình phù hợp với nguồn vốn được giao; (ii) lập quy trình bảo trì công trình, bảo trì thiết bị cho quá trình khai thác sử dụng;

- Lập hồ sơ thanh quyết toán các chi phí giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng DATP theo quy định.

3. Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách theo tiến độ thực hiện dự án thành phần và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt.

4. Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán năm (niên độ) và quyết toán hoàn thành dự án thành phần; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các thủ tục về thanh lý tài sản theo quy định.

5. Cục Quản lý xây dựng công trình: Thực hiện trách nhiệm cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng, giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch; Tài chính; Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Viện trưởng Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TƯ và ĐP);
- Lưu VT, XD (08b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Hiệp